

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/DS-ST
Ngày 08 tháng 5 năm 2025
V/v Tranh chấp nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Phạm Thị Việt Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh: Không.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2025, về việc “*Tranh chấp nợ hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn B, sinh năm 1976 (*Có mặt*)

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1970 và bà Trần Thị P, sinh năm 1972 (*Ông T có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, bà P có mặt*)

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn ông Võ Văn B trình bày:

Ông B và vợ chồng ông T, bà P là người cùng xóm với nhau, vì tin tưởng nên ông B có tham gia một số dây hui do vợ chồng ông Võ Văn T, bà Trần Thị P làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hui tháng áp ngày 15/07/2020 (âm lịch): Ông B có tham gia chơi 02 chân hui 2.000.000đ, gồm 36 phần, sau đó ông B hốt 01 chân vợ chồng ông Tâm G đủ tiền và hiện ông B cũng đã hoàn thành nghĩa vụ đối với vợ chồng ông T đối với dây này, còn 01 chân ông B hốt mất được số tiền 70.000.000đ, cần trừ 1.000.000đ tiền hoa hồng cho vợ chồng ông T, bà P nên ông B còn nhận được

với số tiền 69.000.000đ. Tuy nhiên vợ chồng ông T, bà P chỉ giao cho ông B được 36.000.000đ, còn nợ lại số tiền 33.000.000đ cho đến nay.

- Dây hụi tháng áp ngày 10/09/2022 (âm lịch): Ông B có mua lại của con ông là Võ Thị Kiều A 01 chân hụi 2.000.000đ (trong danh sách tên Kiều A), gồm 33 phần, ông B đóng hụi cho vợ chồng ông T được 13 lần x 2.000.000đ = 26.000.000đ thì vợ chồng bà công bố bế hụi và không giao tiền cho ông B cho đến nay.

Tổng số tiền ông T, bà P nợ ông B là 59.000.000đ. Sau đó ông B có làm đơn yêu cầu đến áp hòa giải yêu cầu vợ chồng ông T trả cho ông B số tiền hụi trên, đến ngày 26/05/2024 tổng số tiền vợ chồng ông T đã trả cho ông B được 18.000.000đ, còn nợ lại số tiền 41.000.000đ cho đến nay.

Nay ông Võ Văn B yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Minh xem xét giải quyết: Buộc vợ chồng ông Võ Văn T và bà Trần Thị P phải trả cho ông B số tiền hụi còn nợ là 41.000.000đ, trả trong một lần và không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn ông Võ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong bản tự khai thể hiện: Ông T và vợ là Trần Thị P còn nợ tiền hụi ông Võ Văn B với số tiền là 41.000.000đ. Do công việc làm ăn không thuận lợi, yêu cầu ông B cho vợ chồng ông trả dần số tiền nói trên đến khi hết nợ.

Tại phiên Tòa, Nguyên đơn ông Võ Văn B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị P, tuy nhiên bà P đều vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên Tòa hôm nay, bà P thừa nhận còn nợ của ông B với tổng số tiền 41.000.000đ. Bà P yêu cầu ông B cho vợ chồng bà trả dần số nợ nói trên mỗi tháng 2.000.000đ đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Võ Văn T, bà Trần Thị P có hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã Đ, huyện A, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Bị đơn ông Võ Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử khi đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, ông Võ Văn B yêu cầu vợ chồng ông Võ Văn T, bà Trần Thị P trả cho ông B nợ hụi với tổng số tiền 41.000.000đ, yêu cầu trả trong một lần, không yêu cầu tính lãi. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là “*Tranh chấp nợ hụi*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà P trả cho ông B tổng số tiền hụi là 41.000.000đ,

xét thấy việc nhận nợ giữa ông B và vợ chồng ông T, bà P tuy không lập thành văn bản nhưng tại Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 16/4/2024 tại Trụ sở Ban N, xã Đ, bà Trần Thị P thừa nhận còn nợ của ông B với tổng số tiền hui là 59.000.000đ, đồng thời tại buổi hòa giải này bà P và ông B thống nhất thỏa thuận việc trả số tiền nợ hui chia thành 03 đợt cụ thể vào các ngày 26/3/2024 (al), ngày 26/5/2024 (al) và ngày 29/11/2024 (al), ông T bà P sẽ hoàn trả hết số tiền còn nợ cho ông B. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, vợ chồng ông T, bà P chỉ trả cho ông B số tiền 18.000.000đ và còn nợ ông B tổng số tiền 41.000.000đ.

Số tiền hui ông B yêu cầu vợ chồng ông T, bà P trả cho ông B là phù hợp với số tiền ông T thừa nhận còn nợ của ông B tại Bản tự khai vào ngày 25/3/2025 và tại phiên tòa hôm nay bà P xác nhận còn nợ của ông B với tổng số tiền 41.000.000đ. Đây là tình tiết đã được các đương sự thừa nhận, do đó đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 12/3/2025, Tòa án ban hành Thông báo số 02/2025/TB-TA về việc yêu cầu ông T, bà P trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông B nhưng đến thời điểm mở phiên tòa, bà P, ông T vẫn không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông B, tuy nhiên tại phiên Tòa, bà P thừa nhận còn nợ của ông B với tổng số tiền 41.000.000đ.

Tại bản tự ngày 25/3/2025, ông T yêu cầu ông B cho vợ chồng ông trả dần số nợ nói trên đến khi hết nợ và phiên Tòa hôm nay, bà P có yêu cầu được trả dần số tiền nợ nói trên mỗi tháng 2.000.000đ đến khi hết nợ. Tuy nhiên tại phiên tòa, yêu cầu này của ông T và bà P không được ông B chấp nhận do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc vợ chồng ông T, bà P trả cho ông B số tiền hui 41.000.000đ là có căn cứ chấp nhận .

[4] Về án phí: $41.000.000đ \times 5 \% = 2.050.000đ$. Buộc ông Võ Văn T, bà Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Võ Văn B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92, Điều 93; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ;
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B về việc yêu cầu ông Võ Văn T, bà Trần Thị P trả số tiền hui.

1. Buộc ông Võ Văn T, bà Trần Thị P trả cho Võ Văn B số tiền là 41.000.000đ (*Bốn mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Buộc ông Võ Văn T, bà Trần Thị P nộp 2.050.000đ (*Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Võ Văn B số tiền tạm ứng án phí là 1.025.000đ (*Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005314, ngày 03/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát An Minh;
- Chi cục Thi hành án An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn